TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/DS-ST
Ngày 10 - 01 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bảo Hiền.

Ông Nguyễn Xuân Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Thành Thật là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2024/TLST-DS, ngày 16 tháng 10 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thanh T, sinh năm 1997. Là Chủ hộ kinh doanh T (vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: Khóm C, thị trấn N, huyện, tỉnh C.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thanh T:* Bà Trần Ngọc M, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số X, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn H, sinh năm 1980 (có mặt).

Bà Trương Ngọc H, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm A, thị trấn R, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2024 cùng các văn bản khác kèm theo và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Phan Thanh T là bà Trần Ngọc M trình bày:

Ngày 01/01/2023, giữa Hộ kinh doanh T (sau đây gọi tắt là T) và ông Huỳnh Văn H, bà Trương Ngọc H thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm (có xác lập Hợp đồng), theo đó T bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú của Công ty LDHH Thức ăn thủy sản V và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông H để ông H và bà H1 nuôi tôm, đến cuối vụ ông H và bà H1 phải thanh toán dứt điểm công nợ cho T.

Trong quá trình giao dịch, ông H không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ ông H không thanh toán hết công nợ cho T. Theo Bảng đối chiếu công nợ tháng 3/2024 ký ngày 12/03/2023, ông H và bà H1 còn nợ T số tiền là: 3.249.866.000 đồng (ba tỷ hai trăm bốn mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Ngày 14/5/2024 ông H, bà H1 đã thanh toán 30.000.000 đồng và ngày 14/9/2024 đã thanh toán 20.000.000 đồng đến nay ông H và bà H1 còn nợ T số tiền là 3.199.866.000 đồng (ba tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

T đã liên hệ nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H thanh toán nhưng ông H cứ hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện thanh toán cho T.

Nay, bà Phan Thanh T là Chủ Hộ kinh doanh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn H và Trương Ngọc H phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thanh T - Chủ Hộ kinh doanh T số tiền là 3.199.866.000 đồng (ba tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Đồng thời yêu cầu ông Huỳnh Văn H và Trương Ngọc H phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho bà Phan Thanh T - Chủ Hộ kinh doanh T lãi suất phát sinh đối với số tiền chậm trả mà ông Huỳnh Văn H và Trương Ngọc H chưa trả với lãi suất 10%/năm theo quy định pháp luật, tính từ 14/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính đến ngày 25/9/2024: Tiền lãi = 3.199.866.000 đồng * 0.83% * 11 ngày = 9.738.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc + lãi tính tạm tính là: 3.199.866.000 đồng + 9.738.000 đồng = 3.209.604.000 đồng (ba tỷ hai trăm lẻ chín triệu sáu trăm lẻ bốn nghìn đồng).

Tại phiên tòa, T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi suất. Như vậy, nguyên đơn chỉ khởi kiện số tiền 3.199.866.000 đồng (ba tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Tại các biên bản hòa giải ngày 18/11/2024, 19/12/2024 và tại phiên tòa, bị đơn là ông Huỳnh Văn H trình bày:

Ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Số tiền mà nguyên đơn trình bày và yêu cầu ông và bà H1 trả là chưa có trừ chiết khấu cho ông. Nếu trừ chiết khấu thì số tiền còn nợ thực tế thấp hơn rất nhiều. Theo như lúc thỏa thuận thì khi lập hợp đồng mua bán thức ăn với T thì T hứa sẽ cung cấp cho ông thức

ăn với đơn giá là 31.000 đồng/kg nhân với số ký thức ăn ông còn nợ. Đồng thời về yêu cầu tính lãi suất thì ông không đồng ý do hiện tại rất khó khăn trong việc làm ăn.

Tại các biên bản hòa giải ngày 18/11/2024, 19/12/2024 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Trương Ngọc H trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông H và không có bổ sung.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Phan Thanh T là bà Trần Ngọc M trình bày:

Việc chiết khấu có hay không thì bà không nắm rõ do không có ghi trong hợp đồng. Còn về đơn giá thì cũng không nắm rõ do bộ phận kinh doanh phụ trách. Nay, theo phía nguyên đơn khởi kiện bị đơn theo bảng đối chiếu công nợ về số tiền ông H, bà H1 còn nợ là 3.199.866.000 đồng (ba tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về tố tụng:* Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa Hộ kinh doanh T với ông Huỳnh Văn H và bà Trương Ngọc H là "Tranh chấp hợp đồng mua bán" được quy định tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung, quan hệ tranh chấp:*

Đại diện Hộ kinh doanh T xác định có thỏa thuận ký hợp đồng mua bán thức ăn nuôi thủy sản với ông Huỳnh Văn H và bà Trương Ngọc H, theo đối chiếu công nợ thì ông Huỳnh Văn H và bà Trương Ngọc H còn nợ T số tiền 3.199.866.000 đồng (ba tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Do ông Huỳnh Văn H và bà Trương Ngọc H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên T khởi kiện. Từ đó, có căn cứ xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản được quy định tại Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[2.1]. Về nội dung tranh chấp, Ngày 01/01/2023, giữa Hộ kinh doanh T (sau đây gọi tắt là T) và ông Huỳnh Văn H, bà Trương Ngọc H thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm (có xác lập Hợp đồng), theo đó T bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú của Công ty LDHH Thức ăn thủy sản V và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông H để ông H và bà H1 nuôi tôm, đến cuối vụ ông H và bà H1 phải thanh toán dứt điểm công nợ cho T. Ngày 01/01/2023, giữa Hộ kinh doanh T (sau đây gọi tắt là T) và ông Huỳnh Văn H, bà Trương Ngọc H thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm (có xác lập Hợp đồng), theo đó T bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú của Công ty LDHH Thức ăn thủy sản V và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông H để ông H và bà H1 nuôi tôm, đến cuối vụ ông H và bà H1 phải thanh toán dứt điểm công nợ cho T. T đã liên hệ nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông H thanh toán nhưng ông H cứ hứa hẹn nhiều lần mà không thực hiện thanh toán cho T.

[2.2]. Phía bị đơn là ông H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Số tiền mà nguyên đơn trình bày và yêu cầu ông và bà H1 trả là chưa có trừ chiết khấu cho ông. Nếu trừ chiết khấu thì số tiền còn nợ thực tế thấp hơn rất nhiều. Theo như lúc thỏa thuận thì khi lập hợp đồng mua bán thức ăn với T thì T hứa sẽ cung cấp cho ông thức ăn với đơn giá là 31.000 đồng/kg nhân với số ký thức ăn ông còn nợ.

Tuy nhiên, vấn đề ông H trình bày không có thỏa thuận ghi trong hợp đồng. Mặc khác, việc chiết khấu chỉ diễn ra khi bị đơn thanh toán đúng nghĩa vụ thì phía Hộ kinh doanh mới xem xét việc chiết khấu, vì đây là số tiền còn nợ theo bảng đối chiếu công nợ thực tế.

[3]. Đối với bà Trương Ngọc H thống nhất với trình bày và yêu cầu của ông Huỳnh Văn H.

[4]. Về nghĩa vụ thanh toán: Hiện bà Trương Ngọc H và ông Huỳnh Văn H là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và việc nợ vụ cho nhu cầu sinh hoạt kinh tế trong gia đình nên bà H1 phải có trách nhiệm cùng ông H thanh toán nợ cho T.

Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của T là buộc ông Huỳnh Văn H và bà Trương Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho T số tiền còn nợ theo đối chiếu là 3.199.866.000 đồng (ba tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

[5]. Về lãi suất, phía nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ các nhận định nêu trên, có đủ cơ sở để buộc ông Huỳnh Văn H và bà Trương Ngọc H phải có trách nhiệm liên đới trả tiền còn nợ cho Hộ Kinh doanh T là 3.199.866.000 đồng (ba tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Hộ Kinh doanh T khởi kiện là có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của Hộ Kinh doanh T được chấp nhận nên ông Huỳnh Văn H và bà Trương Ngọc H cùng phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Áp dụng các điều 430, 440 của Bộ luật Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hộ kinh doanh T.

Buộc ông Huỳnh Văn H và bà Trương Ngọc H liên đới trả cho Hộ kinh doanh T số tiền còn nợ là 3.199.866.000 đồng (ba tỷ một trăm chín mươi chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc ông Huỳnh Văn H và bà Trương Ngọc H phải liên đới chịu 95.997.320 đồng (chín mươi lăm triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm hai mươi đồng).

Hộ kinh doanh T được nhận lại số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 48.096.000 đồng (bốn mươi tám triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015165 ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Phước